

Bản án số: 221/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2026

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Hà Thía.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Ngô Hoàng Bá;
- Bà Ngô Thị Phương Trang.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

*Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc C - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 420/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 (Vắng mặt lần 2).

Địa chỉ: Khu V T, phường T, thành phố Cần Thơ.

*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ:* Cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 13/10/2015.

Cùng địa chỉ với nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết trình bày như sau:* Hôn nhân của bà và ông Nguyễn Văn T đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tự nguyện về chung sống như vợ, chồng từ năm 2013, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ).

Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng sống không có tiếng nói chung, ông T không chịu lao động chăm lo cho gia đình, thích nhậu với bạn bè, có tính ghen tuông vô cớ nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, không dung hòa được, có lúc ông T đánh bà nên hôn nhân dần không còn hạnh phúc. Vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông T do không còn tình cảm.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 13/10/2015; từ khi ly thân do bà trực tiếp chăm sóc nên khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.*

*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu H trình bày:* Cháu là con chung của bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T. Nguyên đơn, bị đơn ly hôn cháu không ý kiến, cháu đang sống với nguyên đơn nên cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với nguyên đơn, không yêu cầu gì đối với bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông T. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 13/10/2015 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân của bà L1 và ông T đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, tuy không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông, bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Thời gian ly thân nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm; cho thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 12/02/2026. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L1 được ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 13/10/2015. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L1 không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 54, 56, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 13/10/2015 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở bị đơn thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên đơn, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ*: Không xem xét giải quyết. Bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0013119 ngày 25/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Võ Hà Thía**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Kim P - Đ**

